

## BẢN TIN

### Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Tính đến 15h00' ngày 09/01/2022)

#### I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

##### 1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 09/01/2022, ghi nhận 1.876.394 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.488.038 điều trị khỏi, 343.954 đang điều trị, 34.120 tử vong (tăng 240 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 1.860.134 trường hợp (tăng 16.513 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế cập nhật tại đường link: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>

##### 2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

**2.1.** Tổng số ca mắc COVID-19: 4.373 ca (tăng 170), trong đó:

+ Ghi nhận tại tỉnh: 4.360 ca, tăng 170 ca (32 ca đã cách ly tập trung; 96 ca tại cộng đồng; 42 ca cách ly tại nhà/khu phong tỏa (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

+ Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: 13 trường hợp.

**2.2.** Tình hình điều trị: 1.549 bệnh nhân đang điều trị (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*); Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 2.817 bệnh nhân (tăng 100); Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

**3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế:** lũy tích 64.030 người.

- Số F1 đang cách ly: 1.076 người, tích lũy 24.167 người (tăng 442).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 34.577 trường hợp (tăng 68) tại các tỉnh/thành phố: TP HCM (5.223), Hà Nội (13.798), Đồng Nai (434), Bình Dương (560), Phú Thọ (9.142) và các vùng có dịch khác (5.417). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 59.538 (dương tính: 374, âm tính: 59.139, chờ kết quả: 25).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.826 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 3.411 trường hợp.

**4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):**

**4.1.** Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày: 2.061 mẫu (180 Realtime - PCR; 1.881 Test nhanh).

**4.2.** Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.777.679 mẫu (4.373 dương tính; 1.773.264 âm tính; 42 chờ kết quả), trong đó:

- Nhóm 1: Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 1.472 mẫu, lũy tích: 675.827 mẫu.

- Nhóm 2: Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 92.713 mẫu.

- Nhóm 3: Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.009.139 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 431.940 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 579 mẫu, lũy tích: 577.199 mẫu.

### **5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:**

**5.1.** Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên:

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 810.197 người (tính đến tháng 5/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 776.365 người (đạt 95,8% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.616.300 mũi (Mũi 1: 776.365; Mũi 2: 766.058, đạt 94,6% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3: 59.462, đạt 7,3 % dân số trên 18 tuổi; Mũi bổ sung: 14.415, đạt 1,8% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm:

+ Từ đợt 1 đến đợt 9: 431.322 mũi (Mũi 1: 364.276; Mũi 2: 67.046).

+ Đợt 10: số tiêm trong ngày: 33.793 người; lũy tích: 1.185.436 mũi, đạt 98,7%.

**5.2.** Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi:

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.732 người (đạt 94,7 % dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: 187.415 người (Mũi 1: 107.732 người, đạt 94,7% trẻ từ 12-17 tuổi; Mũi 2: 79.683 người, đạt 70% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 0 người

**6. Khoanh vùng, cách ly xã hội:** 0 địa điểm.

## **II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO**

### **1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:**

**1.1.** Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

**1.2.** Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

### **2. Các khu cách ly tập trung:**

**2.1.** Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 35 cơ sở.

**2.2.** Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

### **3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:**

#### **3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:**

Trong ngày, có 15 người nước ngoài (Hàn Quốc 12, Trung Quốc 01, Nhật Bản 02) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với các mục đích: Làm việc 03, cách ly 12.

Hiện, toàn tỉnh có tổng số 2.972 người nước ngoài cư trú, hoạt động tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học; trong đó có 144 người nước ngoài đang cách ly sau khi nhập cảnh tại khu cách ly của Khách sạn DIC Star, Vĩnh Phúc.

Ngoài ra, có 287 công dân Việt Nam từ Ma Cao nhập cảnh về Việt Nam, đến cách ly tại Trung đoàn 834 Cơ sở 1- Gia Khánh- Bình Xuyên; chưa phát hiện trường hợp nghi nhiễm Covid- 19.

### **3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:**

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 05 cơ sở kinh doanh, lưu trú; chưa phát hiện cơ sở vi phạm.

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.047 trường hợp số tiền 8.532.800.000 đồng.

**4. Các Tổ phòng, chống COVID cộng đồng:** tổng số 1.370 tổ, với 11.186 thành viên tham gia.

### **III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI**

**1.** Để tiếp tục chủ động, quyết liệt, kiểm soát hiệu quả và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian tới, đặc biệt dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần; UBND tỉnh *ban hành Văn bản số 11762 /UBND-VX1 ngày 31/12/2021* yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc và các nội dung UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Công điện số 1850/CĐ-TTg ngày 31/12/2021; Chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh tại Văn bản số 11323/CV-BCĐ ngày 20/12/2021, Thông báo Kết luận số 311/TB-UBND ngày 11/12/2021; Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 23/12/2021.

1.2. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về nội dung 5K trong phòng, chống dịch COVID 19, nhất là tại các điểm tham quan, nhà ga, bến xe, chợ, trung tâm thương mại, siêu thị...;

1.3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương: Tiếp tục tổ chức tiêm chủng an toàn, nhanh nhất có thể theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế. Nắm chắc diễn biến, tình hình dịch COVID-19 để kịp thời tham mưu, đề xuất các biện pháp ứng phó hiệu quả, phù hợp với Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh; nhất là các biện pháp ứng phó với biến chủng Omicron.

**2.** Ngày 05/01/2022, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành Văn bản số 78/CV-BCĐ hướng dẫn tạm thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (thay thế Văn bản số 9600/CV-BCĐ ngày 28/10/2021, Văn bản số 9650/CV-BCĐ ngày 31/10/2021), cụ thể như sau:

**2.1. Áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người từ các địa phương khác đến/về Vĩnh Phúc và người tiếp xúc gần (F1):**

**2.1.1. Yêu cầu chung:** Người đến/về tỉnh Vĩnh Phúc phải thực hiện nghiêm 5K, các quy định phòng, chống dịch hiện hành của Bộ Y tế và tỉnh Vĩnh Phúc.

**2.1.2. Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người đến từ địa bàn có dịch (địa bàn có dịch ở cấp độ 4 hoặc vùng phong tỏa), người tiếp xúc gần (F1):**

a) Đối với người đến từ địa bàn có dịch (địa bàn có dịch ở cấp độ 4 hoặc vùng phong tỏa); người tiếp xúc gần (F1):

Những người đã tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19 (*thẻ xanh trên Sổ Sức khỏe điện tử hoặc Giấy chứng nhận tiêm đủ liều vắc xin của cơ quan có thẩm quyền cấp*), liều cuối cùng đã được tiêm ít nhất 14 ngày và không quá 06 tháng hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm được xác định là đối tượng F1 (*có giấy ra viện/giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19*):

- Thực hiện cách ly y tế 07 ngày tại nhà/nơi lưu trú (*nếu đủ điều kiện cách ly tại nhà, nơi lưu trú*), tự theo dõi sức khỏe trong 07 ngày tiếp theo. Tuân thủ 5K, nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác... thì thông báo ngay cho cơ quan y tế để theo dõi và xử trí theo quy định.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 (*bằng Test nhanh kháng nguyên hoặc RT-PCR*) 02 lần và ngày thứ nhất, thứ 7.

b) Đối với người tiêm chưa đủ liều vắc xin phòng COVID-19 hoặc chưa tiêm vắc xin phòng COVID-19, chưa được công bố khỏi bệnh COVID-19:

- Thực hiện cách ly y tế tại nhà/nơi lưu trú 14 ngày. Trường hợp không đủ điều kiện cách ly y tế tại nhà/nơi lưu trú thì thực hiện cách ly y tế tập trung.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 (*bằng Test nhanh kháng nguyên hoặc RT-PCR*) 03 lần vào ngày thứ nhất, thứ 3 và ngày thứ 14.

c) Điều kiện cách ly y tế tại nhà: Theo quy định của Bộ Y tế tại Văn bản số 5599/BYT-MT ngày 14/7/2021 của Bộ Y tế.

**2.2.** Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 cấp huyện, cấp xã căn cứ Chỉ thị số 18/CT-CTUBND ngày 21/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn bản chỉ đạo này và các điều kiện cụ thể của địa phương để áp dụng các biện pháp cách ly, phong tỏa... phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Công TGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Hữu Vinh**

**Phụ lục 1:**  
**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY**  
*(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 09/01/2022 của Sở TT&TT)*

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	D.V.CHƯƠNG	1967	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
2	P.T.DỰ	1968	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
3	L.T.B.HỒNG	1982	Nữ	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
4	N.V.THUẬN	1977	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
5	N.M.CƯỜNG	2012	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
6	N.T.GIA	1985	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
7	N.H.THẮNG	1985	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
8	C.T.THỦY	1983	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
9	T.T.PHI	1991	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
10	N.T.V.HÀ	1981	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
11	N.CHÂN	2011	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
12	L.V.HOÀNG	2000	Nam	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
13	Đ.T.HIẾU	2011	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
14	P.H.HẢI	1971	Nam	Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
15	N.V.BÁCH	1987	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
16	B.Đ.MINH	1984	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
17	Đ.H.QUỲNH	1990	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
18	N.T.TÙNG	1993	Nam	Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
19	N.T.LA	1974	Nữ	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	N.N.HÀ	2010	Nữ	Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
21	N.T.THƠM	1999	Nữ	Quất Lưu	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	N.T.DUY	2002	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	K.T.T.PHƯƠNG	1984	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	T.V.DƯƠNG	1995	Nam	Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
25	N.V.THỊNH	1991	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	L.T.LINH	2007	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	L.T.CHI	2008	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
28	P.T.HUYỀN	2003	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
29	N.C.THÀNH	1986	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
30	H.T.LƯƠNG	1984	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
31	N.T.TUYẾT	1985	Nữ	Quang Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
32	N.G.HÙNG	2015	Nam	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
33	N.L.CHI	2013	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
34	P.T.M.HƯƠNG	2000	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	N.T.TÂM	1979	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
36	N.V.TRUNG	1984	Nam	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
37	T.V.TOÀN	1992	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	P.T.VI	2020	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
39	P.V.MẠNH	1986	Nam	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
40	P.V.NGỌC	2014	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
41	N.V.HÀO	1986	Nam	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
42	N.N.HÂN	2015	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
43	T.V.CHUNG	1984	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
44	L.T.LÀ	1960	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
45	N.K.NAM	1988	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
46	Đ.T.PHƯỢNG	1965	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
47	H.V.SỸ	2002	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	H.T.M.ANH	2006	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	Q.T.HIỆP	2003	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	T.T.LINH	1999	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	C.T.L.THU	2005	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	L.N.HẢI	2003	Nam	Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
53	N.H.NAM	1982	Nam	Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
54	N.V.DUY	1992	Nam	Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	N.V.THẢO	1983	Nam	Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
56	M.V.MINH	1989	Nữ	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
57	N.V.HỢP	1963	Nam	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	L.P.THẢO	2014	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
59	B.V.THỌ	1998	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
60	P.T.LÀNH	1986	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
61	V.T.HẠNH	1993	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
62	T.T.HẰNG	1975	Nữ	Ngũ Kiên	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
63	N.T.PHIỆT	1940	Nữ	Vũ Di	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
64	L.T.THỰC	1978	Nữ	Vũ Di	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
65	N.D.TÂN	1985	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
66	N.Đ.AN	2014	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
67	N.T.TẤN	2012	Nam	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
68	N.T.TUYẾT	1988	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
69	T.V.ĐĂNG	1995	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
70	P.T.DUNG	1978	Nữ	Ngũ Kiên	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
71	N.T.H.NGA	1995	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
72	N.T.CHĂNG	1961	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
73	N.V.THỊNH	1972	Nam	Đông Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
74	N.T.VINH	2013	Nam	Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
75	Đ.Q.HUY	2002	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	T.V.HÒA	1994	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
77	N.T.KIÊN	1964	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
78	Đ.T.LOAN	1984	Nữ	Hồng Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	L.H.PHƯƠNG	2014	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
80	P.Q.ANH	2013	Nữ	Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
81	V.T.TRANG	1988	Nữ	Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
82	P.V.HUYỀN	1986	Nam	Đông Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
83	T.T.TÈO	1938	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
84	N.V.HỒ	1981	Nam	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	H.T.TÍNH	1986	Nữ	Trung Kiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
86	P.T.ĐỨC	1953	Nữ	Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
87	P.V.QUỲNH	1988	Nam	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
88	Đ.K.NAM	2013	Nam	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
89	N.T.THÚY	1967	Nữ	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
90	N.T.TÂM	1982	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
91	N.V.HỒNG	1987	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
92	N.V.ĐẠI	1991	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
93	Đ.T.HÙNG	1980	Nam	Đông Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
94	N.Đ.Đ.ĐỒ	2018	Nam	Xuân Hoà	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
95	N.Đ.ANH	2005	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
96	N.K.LINH	2008	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
97	V.T.DƯƠNG	1996	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
98	Đ.T.LỢI	1969	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
99	T.V.LÂM	1997	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
100	P.T.HƯỜNG	1971	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
101	V.V.HOÀN	1981	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
102	L.T.Á.TUYẾT	1975	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
103	Đ.V.NAM	1998	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
104	P.T.HUỆ	1984	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
105	V.N.DUNG	2010	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
106	V.M.PHÚC	2017	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
107	V.D.DƯƠNG	2001	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
108	N.T.NHI	2012	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
109	N.Đ.KHIÊM	2016	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
110	L.V.ĐỒNG	1986	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
111	H.V.THÙY	2000	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
112	N.T.HƯƠNG	1994	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
113	P.V.NINH	2002	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
114	N.V.DƯƠNG	1993	Nam	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
115	H.L.NGÂN	2003	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
116	N.T.QUỲNH	1996	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
117	L.T.NHUNG	1965	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
118	N.T.T.HẰNG	2012	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
119	L.Đ.KHÁNH	1987	Nam	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
120	N.V.LOAN	1958	Nam	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
121	N.Đ.HIỆU	2013	Nam	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
122	L.Q.DUY	1983	Nam	Đức Bắc	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
123	T.V.TUẤN	1993	Nam	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
124	L.T.HÀ	1995	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
125	T.Đ.QUYẾT	2000	Nam	Đồng Thịnh	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
126	N.T.XUÂN	1977	Nữ	Đôn Nhân	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
127	Đ.T.NGUYỆT	1994	Nữ	Lãng Công	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
128	L.T.ĐẠO	1986	Nữ	Hải Lựu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
129	H.T.TUẤN	1979	Nữ	Hải Lựu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
130	N.T.TÂM	1990	Nam	Tam Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
131	L.V.ANH	2010	Nam	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
132	T.T.CẢNH	1978	Nữ	Quang yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
133	N.T.TRANG	2019	Nữ	Quang yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
134	N.V.TIỆP	1959	Nam	Quang yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
135	N.T.ĐÔ	1972	Nữ	Quang yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
136	V.Đ.ANH	2014	Nam	Tân lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
137	T.T.NGHĨA	2014	Nam	Tân lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
138	N.T.T.HIỀN	1996	Nữ	Tam Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
139	T.G.LINH	2013	Nữ	Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
140	N.V.GIỚI	1992	Nam	Thanh Vân	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
141	N.T.KIA	1980	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
142	H.T.H.LY	2001	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
143	Đ.T.ĐIỆP	1982	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
144	N.V.LONG	1972	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
145	N.T.K.HUYỀN	2018	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
146	N.T.TOÀN	1992	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
147	P.T.TÙNG	2017	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly



STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
148	N.T.THƯƠNG	1985	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
149	N.H.LÂM	2019	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
150	N.T.VY	1962	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
151	N.D.CẢNH	1985	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
152	N.K.CẦU	1987	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
153	N.V.TIỆN	1998	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
154	T.X.AN	2015	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
155	N.M.QUÂN	2012	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
156	H.T.SỸ	2000	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
157	N.Đ.TRƯỜNG	1996	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
158	N.T.THUY	1984	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
159	B.T.THU	2011	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
160	B.Đ.GIANG	2014	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
161	Đ.T.HỌC	1964	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
162	L.T.HUY	1990	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
163	B.V.BẮC	1976	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
164	N.T.THÀNH	1999	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
165	T.Đ.UY	2003	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
166	H.N.MINH	1989	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
167	Đ.T.T.HÀ	1981	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
168	P.A.THƯ	2019	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
169	N.T.NGA	1991	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
170	N.V.T.ANH	2016	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

**Phụ lục 2:**  
**TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19**  
*(Kèm theo Bản tin ngày 09/01/2022 của Sở TT&TT)*

STT	Cơ sở điều trị COVID-19	Cũ	Vào	Ra	Hiện có
1	BVDC số 1	54	0	9	45
2	BVDC số 2	76	2	12	76
3	Tam Dương (Cơ sở 1)	49	4	2	49
4	Tam Dương (Cơ sở 2)	52	3	0	52
5	Yên Lạc (Cơ sở 1)	49	2	0	49
6	Yên Lạc (Cơ sở 2)	113	10	13	113
7	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	54	0	0	54
8	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	173	0	81	173
9	Tam Đảo (Cơ sở 1)	52	0	11	52
10	Tam Đảo (Cơ sở 2)	9	1	0	9
11	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	58	8	0	58
12	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	72	0	0	72
13	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	76	14	0	76
14	Phúc Yên (Cơ sở 1)	26	4	0	26
15	Phúc Yên (Cơ sở 2)	223	18	15	223
16	Vĩnh Yên	113	20	0	113
17	Lập Thạch (Cơ sở 1)	0	39	0	0
18	Lập Thạch (Cơ sở 2)	82	0	3	82
19	Sông Lô (Cơ sở 1)	43	0	0	43
20	Sông Lô (Cơ sở 1)	0	21	0	21
21	Bệnh viện V 74 Trung Ương	0	0	0	0
22	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	9	0	0	9
23	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	96	170	173	93
<b>Tổng số</b>		<b>1.479</b>	<b>316</b>	<b>246</b>	<b>1.549</b>

